**TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ**

**TỔ VĂN**

**NỘI DUNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 12**

**BÀI: VỢ CHỒNG A PHỦ - TÔ HOÀI**

**I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**

***Chọn câu trả lời đúng nhất***

*1. Đặc điểm phong cách nào dưới đây không phải là nét nổi bật của Tô Hoài trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ?*

A. Ngôn ngữ và lời văn giàu chất tạo hình.

B. Thể hiện trong trang viết những tư liệu quý giá cùng những nhận xét, đánh giá sắc sảo về con người.

C. Có nhiều trang viết thấm đượm chất thơ, chất trữ tình.

D. Thể hiện được màu sắc dân tộc theo (bao hàm cả các dân tộc thiểu số) đậm đà.

*2. Chi tiết nào sau đây không có trong hồi tưởng của Mị về hình ảnh đẹp trong cuộc sống quá khứ?*

A. Mị thổi sáo, thổi lá rất hay.

B. Mùa xuân, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo.

C. Mị có giọng hát rất hay, được nhiều người mê thích.

D. Có biết bao chàng trai say mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

*3. Trong Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài đã xây dựng các nhân vật theo kiểu nào*

A. Nhân vật số phận và tâm trạng.

B. Nhân vật số phận và tính cách.

C. Nhân vật tâm trạng.

D. Nhân vật tâm lí, tính cách và số phận.

*4. Sự kiện nào dưới đây không có trong cốt truyện Vợ chồng A Phủ?*

A. Cha mẹ Mị phải vay nặng lãi của nhà thống lí Pá Tra để làm đám cưới.

B. Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ bỏ trốn khỏi Hồng Ngài.

C. Vì món nợ, Mị đã phải khước từ lời cầu hôn của A Phủ.

D. Mị và A Phủ đến Phiềng Sa, gặp cán bộ A Châu, được giác ngộ cách mạng, trở thành du kích và thành vợ thành chồng.

*5. Tác động của tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân đối với Mị như thế nào?*

A. Mị nghe và nhớ về quá khứ với nỗi đau đớn, tuyệt vọng.

B. Khơi dậy lòng yêu cuộc sống vốn tiềm tàng trong con người Mị, dẫn đến hàng động đấu tranh tự phát nhưng quyết liệt của cô.

C. Mị nghe một cách vô cảm.

D. Mị nghe và càng buồn thêm cho số phận của mình.

*6. Nỗi đau khổ lớn nhất của nhân vật Mị trong Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài là:*

A. Phải làm việc cực nhọc để trả món nợ truyền kiếp của cha mẹ.

B. Bị cướp mất tuổi trẻ, tình yêu, tự do và quyền được hưởng hạnh phúc.

C. Phải trải qua cuộc sống giam hãm như tù ngục trong nhà thống lí Pá Tra.

D. Bị chồng là A Sử đọa đày, hành hạ dã man.

*7. "Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi", Mị như đã trở thành người vô cảm. Nhưng cũng có lúc Mị đã bừng tỉnh khát vọng sống, đó là khi:*

A. Thấy A Phủ bị trói chờ chết.

B. Tết đến và "những đêm tình mùa xuân đã tới".

C. Mị ngồi một mình trong căn buồng kín mít của mình.

D. Mị bị A Sử trói không cho đi chơi Tết.

*8. Nhân vật Mị (Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài) có phẩm chất nào trong các phẩm chất sau?*

A. Xinh đẹp, chăm chỉ lao động.

B. Khát vọng tự do.

C. Tài thổi sáo.

D. Cả A, B, C đều đúng.

*9. Trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài, Mị bừng tỉnh trước cảnh ngộ của A Phủ (trong đêm A Phủ bị trói) nhờ chi tiết có tính chất "cởi nút". Chi tiết đó là:*

A. A Phủ đã gọi Mị khi Mị cho thêm củi vào bếp.

B. A Phủ bất tỉnh ngã xuống.

C. A Phủ kiên cường chửi mắng thống lí

D. Dòng nước mắt lấp lánh chảy xuống hõm má xám đen lại của A Phủ

*10. Lí do nào khiến Mị chấp nhận cuộc sống ở nhà thống lí mà không có ý định giải thoát cho mình ngay cả khi cứu A Phủ?*

A. Mị bị ràng buộc bởi thần quyền, con ma nhà thống lí đã nhận mặt Mị từ khi Mị về làm dâu.

B. Mị sợ uy quyền của thống lí.

C. Mị cam chịu, chấp nhận cuộc sống nô lệ.

D. Mị là người đàn bà yếu đuối.

*11. Chi tiết nào sau đây không chính xác khi giới thiệu về nhân vật A Phủ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài?*

A. A Phủ là người yêu trước kia của Mị.

B. A Phủ không có cha mẹ, không có ruộng, không có bạc, không thể lấy nổi vợ.

C. A Phủ là thanh niên khoẻ mạnh, chạy nhanh như ngựa.

D. A Phủ cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

*12. Số phận của Mị trong nhà thống lí là:*

A. Nô lệ bị bóc lột sức lao động, bị tước bỏ quyền làm người.

B. Người phục vụ đắc lực cho gia đình thống lí bóc lột người nghèo trong vùng.

C. Người đàn bà được chồng con yêu thương.

D. Con dâu nhà giàu có kẻ hầu người hạ, ăn sung mặc sướng.

*13. Tô Hoài đã chọn cách nào sau đây để giới thiệu nhân vật Mị trong đoạn đầu tác phẩm Vợ chồng A Phủ?*

A. Kể chuyện A Sử - con trai thống lí - bắt cóc Mị về làm vợ.

B. Thủ pháp đối lập gây chú ý cho người đọc vào số phận nhân vật: Hình ảnh một cô gái khi làm việc lúc nào cũng cúi mặt "buồn rười rượi" đối lập với cảnh giàu có của nhà thống lí, đó chính là Mị, không phải con gái mà là con dâu nhà thống lí.

C. Kể về món nợ cha mẹ Mị vay của thống lí dẫn đến việc Mị bị bắt làm con dâu gán nợ.

D. Giới thiệu trực tiếp Mị là con dâu nhà thống lí Pá Tra.

*14. Mị là nhân vật thành công của Tô Hoài nói riêng và của văn xuôi thời kháng chiến chống Pháp nói chung. Nghệ thuật đặc sắc nhất của Tô Hoài khi xây dựng nhân vật Mị là:*

A. kể hành động.

B. miêu tả ngoại hình.

C. miêu tả, phân tích tâm lí sâu sắc, tinh tế.

D. miêu tả hoàn cảnh éo le.

*Câu 15. Ý nào dưới đây nhận xét chưa thỏa đáng về ý nghĩa bức tranh mùa xuân mở đầu cho những đêm tình mùa xuân của Mị trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ?*

A. Đó là một phần nằm ngoài cốt truyện để nhà văn thể hiện những hiểu biết nhiều mặt của hiện thực cuộc sống.

B. Là một bức tranh thiên nhiên, phong tục, đời sống để nhà văn gửi vào đó lòng mến yêu đất nước và con người Tây Bắc.

C. Là hình ảnh biểu tượng cho tâm hồn Mị đang bừng lên một sức sống thanh xuân.

D. Một không gian nghệ thuật thể hiện tư tưởng nghệ thuật của tác giả: về sự kì diệu của mùa xuân, về sức mạnh của khát vọng sống.

**II. BÀI TẬP TỰ LUẬN**

Đề bài: Trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ, nhà văn tô Hoài đã miêu tả tâm lí của nhân vật Mị sau khi bị bắt về làm dâu nhà thống lí Pá Tra: “Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt”.

Và ở đêm tình mùa xuân: “Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi:

- Mày muốn đi chơi à?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.”

Anh/chị hãy phân tích hình ảnh Mị trong hai lần miêu tả trên để làm nổi bật sự thay đổi của nhân vật này. Từ đó, bình luận ngắn gọn về tư tưởng nhân đạo của nhà văn Tô Hoài trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ.

**BÀI: VỢ NHẶT – KIM LÂN**

I. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

***HS chọn câu trả lời đúng nhất***

*1. Đề tài của truyện ngắn “Vợ nhặt” là:*

A. Viết về đời sống nông dân trong xã hội cũ.

B. Viết về người dân lao động trong nạn đói năm 1945.

C. Viết về người dân lao động sau Cách mạng tháng Tám.

D. Viết về người lao động trong kháng chiến

*2. Dụng ý của nhà văn Kim Lân khi viết truyện “Vợ nhặt” chủ yếu là:*

A. Kể lại nạn đói năm 1945 để nói lên tình cảnh bi thảm của người dân lao động.

B. Tố cáo chính sách cai trị vô nhân đạo của thực dân, phát xít.

C. Đặt người dân lao động vào tình huống đói khát bi thảm nhất để phát hiện và diễn tả những khát vọng đáng trân trọng của họ.

D. Dựng lên khung cảnh thôn quê những ngày đói.

*3. Khi Kim Lân đi sâu vào nhiều trang viết tả khung cảnh đói khát nhưng từ một vài chi tiết chọn lọc ông đã cho thấy ấn tượng rùng rợn về một cuộc sống mấp mé bên bờ cái chết. Chi tiết nào sau đây đã được ông chọn*

A. Người chết như ngả rạ.

B. Người sống xanh xám như những bóng ma.

C. Không khí vẩn lên mùi thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

D. Tất cả các chi tiết trên.

*4. Chi tiết nào sau đây Kim Lân không dùng để miêu tả ngoại hình thô kệch, xoàng xĩnh của Tràng:*

A. Cái đầu trọc nhẵn chúi về đằng trước.

B. Cái lưng to rộng như lưng gấu.

C. Chiếc áo nâu tàng vắt sang một bên cánh tay.

D. Mặt đầy những vết sẹo

*5. Chi tiết nào sau đây không phải dùng để giới thiệu gia cảnh, thân thế của Tràng:*

A. Dân xóm ngụ cư.

B. Còn có mẹ già.

C. Cái nhà đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc đầy cỏ dại.

D. Người ta nhặt được hắn ở một cái lò gạch bỏ không.

*6. Sống trong môi trường xã hội cũ, người ta quan niệm “Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà” là ba việc trọng đại của một đời người. Anh Tràng đã lấy vợ như thế nào?*

A. Tìm hiểu gốc gác, lai lịch rõ ràng.

B. Sau nhiều lần gặp gỡ làm quen.

C. Đúng phong tục cưới hỏi.

D. Chỉ qua hai lần gặp, hai câu đùa mà có người theo không về làm vợ.

*7. Có vợ, chỉ là vợ nhặt, lại trong cảnh đói khát de dọa, Tràng có tâm trạng:*

A. Lo sợ không nuôi nổi nhau.

B. Hối hận khi lỡ quyết định đưa người phụ nữ xa lạ về làm vợ.

C. Xấu hổ khi có người vợ nhặt.

D. Có nỗi lo nhưng chỉ thoáng qua, chủ yếu là niềm xúc động, cảm giác mới lạ, niềm hạnh phúc lâng lâng.

*8. Tuy chỉ là vợ nhặt nhưng có vợ Tràng đã thực sự nên người. Anh ta thay đổi ở điểm nào sau đây:*

A. Thấy thương yêu gắn bó với cái nhà của mình.

B. Ý thức về mái ấm gia đình, vợ con.

C. Thấy được bổn phận là người trụ cột lo lắng cho gia đình.

D. Tất cả các điểm trên. .

*9. Đánh giá như thế nào là phù hợp về sự chấp nhận theo không về làm vợ Tràng của người “vợ nhặt”.*

a. Chấp nhận vô ý thức (vì bản chất lười biếng, muốn ăn bám người khác).

b. Có ý thức về thân phận và cảnh ngộ của mình nhưng không còn con đường nào khác trong cảnh đói.

*10. Trong truyện, người dân xóm ngụ cư với “những khuôn mặt hốc hác u tối bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên” đó là khi:*

A. Họ gặp được miếng ăn khi đói.

B. Họ kiếm được việc làm.

C. Họ đã tìm được hướng đổi đời.

D. Họ vui khi thấy Tràng về với một người đàn bà lạ mà họ nghĩ là vợ Tràng.

*11. Với người phụ nữ là “vợ nhặt” của con, bà cụ Tứ có thái độ:*

A. Xua đuổi, không chấp nhận.

B. Khinh bỉ.

C. Lạnh lùng.

D. Cảm thông, chấp nhận bằng sự thương xót.

*12. Nét đẹp trân trọng ở hình ảnh bà cụ Tứ là:*

A. Chịu khó chịu khổ.

B. Cần mẫn lao động.

C. Nhân hậu, giàu tình yêu thương.

D. Giản dị, chất phác.

*13. Kết thúc tác phẩm “Vợ nhặt” là hình ảnh:*

A. Bữa cháo cám chát đắng, nghẹn ứ trong cổ và nỗi tủi hờn hiện lên trên nét mặt mọi người.

B. Tiếng trống thúc sưu thuế và giọt nước mắt tuyệt vọng của mọi người.

C. Hình ảnh đám người đói và lá cờ đỏ cứ ám ảnh đầu óc Tràng.

D. Những đàn quạ bay vẩn trên nền trời như những đám mây đen.

*14. Cách kết thúc tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân, so với các tác phẩm viết về số phận người dân lao động của các nhà văn hiện thực 1930 - 1945:*

A. Giống nhau ở chỗ: Số phận người lao động đều rơi vào bế tắc tuyệt vọng.

B. Tiến bộ hơn ở chỗ: Nhân vật của Kim Lân tuy đang ở trong hiện thực đói khát, tiếng trống thúc sưuvẫn còn nhưng họ đã hướng niềm tin đổi đời về cách mạng.

*15. Đặc sắc nghệ thuật của truyện “Vợ nhặt” là:*

A. Tạo tình huống truyện độc đáo.

B. Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, có tính biểu cảm.

C. Khắc họa được những hình tượng sinh động.

D. Tất cả các phương diện trên.

**II. BÀI TẬP TỰ LUẬN**

Đề bài: Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì.” và “Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng”

Cảm nhận của anh (chị) về hình tượng người “vợ nhặt” (“Vợ nhặt” – Kim Lân, SGK Ngữ văn 12, tập 2) qua hai chi tiết trên? Qua đó, anh/chị hãy làm rõ tư tưởng nhân đạo của nhà văn trong cách xây dựng nhân vật?